

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 20-01-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Trang;

2. Bà Nguyễn Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 354/2021/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1987;

Hộ khẩu thường trú: Tổ A, ấp L, xã B, huyện B, tỉnh N; hiện cư trú tại: Tổ X, ấp P, xã B, Hện B, tỉnh N; vắng mặt.

Bị đơn: anh Trương Văn C (tên gọi khác: T), sinh năm 1980;

Cư trú tại: Tổ A, ấp L, xã B, huyện B, tỉnh N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 11 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Trương Văn C tự nguyện chung sống với nhau năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh N. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do anh C nghiện rượu, không đi làm, không phụ giúp vợ con về kinh tế và công việc nhà, chị phải tự mình lo toan mọi việc và đi làm để có thu nhập chăm lo cho cuộc sống của gia đình; nhiều lần chị cùng gia đình hai bên cũng như chính quyền địa phương khuyên ngăn nhưng anh C không thay đổi. Từ tháng 7/2021 cho đến nay chị đã bỏ về nhà mẹ ruột sống ly thân

với anh C. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và chị không thể tiếp tục chung sống với anh C, nên yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: chị và anh Trương Văn C có 01 con chung tên Trương Minh H, sinh ngày 18/4/2006, hiện đang sống với anh C. Theo nguyện vọng của cháu H muốn sống cùng anh C, nên chị đồng ý giao cháu H cho anh C nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 11 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trương Văn C trình bày:

Về hôn nhân: anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Đ về thời gian chung sống vợ chồng, thời gian, nơi đăng ký kết hôn, thời gian sống ly thân là đúng. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh thường xuyên uống rượu, chỉ phụ giúp được công việc nhà, không đi làm phụ giúp kinh tế với chị Đ. Anh thừa nhận sai lầm của bản thân, mong muốn chị Đ cho anh cơ hội thay đổi, sửa chữa để vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau chăm lo cho con. Do đó, anh không đồng ý ly hôn với chị Đ.

Về con chung: anh thống nhất với lời trình bày của chị Đ về con chung là đúng. Nếu tòa án giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị Đ, anh đồng ý nuôi dưỡng cháu Trương Minh H, sinh ngày 18/4/2006, không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Đ và anh Trương Văn C có đơn đề nghị vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 56, 81, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

+ Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ đối với anh Trương Văn C.

+ Về nuôi con chung: giao con chung tên Trương Minh H, sinh ngày 18/4/2006 cho anh Trương Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận anh C không yêu cầu chị Nguyễn Thị Đ cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: chị Nguyễn Thị Đ và anh Trương Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị Đ và anh Trương Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Đ, anh C.

[2] Về hôn nhân:

[2.1] Chị Nguyễn Thị Đ và anh Trương Văn C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh N. Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ, thấy rằng: quá trình chung sống từ năm 2014 chị Đ và anh Trương Văn C phát sinh mâu thuẫn do anh C nghiện rượu, không đi làm, không phụ giúp kinh tế và công việc nhà với chị Đ. Lời trình bày của chị Đ phù hợp với lời khai của anh C và kết quả xác minh tại địa phương. Quá trình giải quyết vụ án, anh C yêu cầu đoàn tụ vì còn thương vợ con và cam kết sẽ thay đổi bản thân, tuy nhiên xét thấy mâu thuẫn giữa chị Đ, anh C kéo dài từ năm 2014, địa phương và gia đình hòa giải nhiều lần nhưng đến nay anh C không có biện pháp nào để vợ chồng hòa giải, hàn gắn tình cảm. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh C ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ đối với anh Trương Văn C.

[3] Về nuôi con chung: chị Nguyễn Thị Đ và anh Trương Văn C có 01 con chung tên Trương Minh H, sinh ngày 18/4/2006, hiện đang sống với anh C. Quá trình giải quyết vụ án, chị Đ, anh C thống nhất giao cháu H cho anh C nuôi dưỡng, chị Đ không cấp dưỡng nuôi con; tại biên bản lấy lời khai ngày 25/11/2021 cháu H cũng có nguyện vọng sống cùng anh C. Xét thấy, sự thỏa thuận giữa chị Đ và anh C là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu H và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị Nguyễn Thị Đ và anh Trương Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên cần ghi nhận.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Trương Văn C.

2. Về nuôi con chung: giao anh Trương Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Trương Minh H, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2006. Ghi nhận anh C không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, anh Trương Văn C cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Chị Đ không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị Đ và anh Trương Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003598 ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị Đ đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị Đ và anh Trương Văn C được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng Ktr-NV-THA, TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thúy

